

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/LĐ-ST

Ngày: 17/9/2019

V/v tranh chấp tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường;

2. Bà Nguyễn Thị Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2019/TLST-LĐ ngày 08/5/2019 về việc “*Tranh chấp tiền lương*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2019/QĐXXST-LĐ ngày 31/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 231/2019/QĐST-LĐ ngày 22/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: 564/43 đường Y, Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH A

Trụ sở: 38/10 Đường F, tổ 15, khu phố D, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1984 - (vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 01/8/2018, ông Nguyễn Thanh H có ký với Công ty TNHH A hợp đồng lao động số 001/2018/HĐLD-AEC, thời hạn là 12 tháng, lương thỏa thuận chính thức mỗi tháng 20.000.000 đồng, được trả vào tuần đầu tiên của tháng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình làm việc từ 01/8/2018 đến nay, Công ty TNHH A không hề trả tiền lương cho ông H, mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu trả lương nhưng không có kết quả. Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ông H đã làm đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động về tiền lương tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Thủ Đức, hòa giải viên đã hai lần mời các bên đến hòa giải vào các ngày 08/01/2019 và ngày 15/01/2019 nhưng phía đại diện Công ty TNHH A không tham dự. Do vậy, ông Nguyễn Thanh H đã thôi việc tại Công ty TNHH A từ đầu tháng 3 năm 2019. Nay ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH A trả 07 tháng tiền lương (từ ngày 01/8/2018 đến ngày 01/3/2019) với mức lương mỗi tháng 20.000.000 đồng là 140.000.000 đồng.

(2) Bị đơn Công ty TNHH A, không hợp tác với Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng phía bị đơn không có đại diện đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hiện tại Công ty TNHH A chưa giải thể và đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ: 38/10 Đường số 3, tổ 15, khu phố 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù, đã được tổng đạt hợp lệ nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện của bị đơn Công ty TNHH A tiếp tục vắng mặt mà không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thu Nhi có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp phía bị đơn Công ty TNHH A đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên được chấp nhận. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa ông Nguyễn Thanh H với Công ty TNHH A phát sinh tranh chấp lao động về tiền lương giữa cá nhân với người sử dụng lao động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Công ty TNHH A có trụ sở đăng ký hoạt động trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thu Nhi có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, hợp đồng lao động số 001/2018/HĐLĐ-AEC ký ngày 01/8/2018 giữa ông Nguyễn Thanh H với ông Đặng Thanh Trúc đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A, có hình thức và nội dung đúng theo quy định Điều 16 và Điều 23 của Bộ luật lao động năm 2012. Có căn cứ xác định người sử dụng lao động là Công ty TNHH A và người lao động là ông Nguyễn Thanh H. Theo quy định của điều 25 của bộ luật lao động hợp đồng lao động giao kết giữa hai bên đã phát sinh hiệu lực ràng buộc trách nhiệm pháp lý buộc các bên phải thực hiện.

[3.2] Căn cứ vào sự thừa nhận, không phản đối giữa các bên đương sự và hợp đồng lao động đã phát sinh hiệu lực, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Nguyễn Thanh H đã làm việc tại Công ty TNHH A được 07 tháng (từ ngày 01/8/2018 đến ngày 01/3/2019), vị trí công việc là Giám đốc trung tâm ngoại ngữ và tin học AEC với mức lương thỏa thuận mỗi tháng là 20.000.000 đồng, thời điểm trả lương là tuần đầu tiên của tháng. Thế nhưng ông H đã làm việc 07 tháng mà không được Công ty TNHH A trả lương là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động và vi phạm nguyên tắc trả lương được quy định tại Điều 96 của Bộ luật lao động năm 2012. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả 07 tháng tiền lương với số tiền 140.000.000 đồng (20.000.000 đồng/tháng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn Công ty TNHH A phải chịu án phí lao động sở thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 15, Điều 16, Điều 17, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 90, Điều 96 và Điều 200 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH A có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền nợ của 07 tháng tiền lương là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng); Việc trả nợ được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH A không trả hoặc chậm trả số tiền nợ nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) buộc Công ty TNHH A phải nộp theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh H và Công ty TNHH A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký và đóng dấu

Cao Văn Thiên